

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Pacific Dinco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Trường Kỳ	Chủ tịch
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Anh Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên
Ông Chu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Triều	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế,

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Lê Trường Kỳ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Số: 28/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Pacific Dinco (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/03/2019, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Pacific Dinco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.780.463.029	139.655.129.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.215.731.659	9.046.164.529
1. Tiền	111	4.1	11.215.731.659	9.046.164.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16.000.000	20.530.730
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.530.730	20.530.730
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.530.730)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.734.550.799	121.231.785.069
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	141.206.198.876	122.069.199.539
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.056.846.188	192.422.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.240.841.500	1.179.218.400
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.769.335.765)	(2.209.055.170)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	9.417.459.891	6.423.844.573
1. Hàng tồn kho	141		9.417.459.891	6.423.844.573
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.396.720.680	2.932.804.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.366.329.387	2.697.696.610
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	134.112.357
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	30.391.293	100.995.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.754.149.487	114.187.282.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.748.931.500	92.474.383.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	77.748.931.500	92.474.383.384
Nguyên giá	222		176.706.799.320	175.564.656.593
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.957.867.820)	(83.090.273.209)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	19.697.780.000	19.697.780.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.637.780.000	19.637.780.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.000.000	60.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.307.437.987	2.015.119.410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.307.437.987	2.015.119.410
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		263.534.612.516	253.842.411.981

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.199.520.047	138.359.048.468
I. Nợ ngắn hạn	310		114.804.611.547	102.110.389.968
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	51.210.278.645	32.044.185.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		539.603.600	557.453.937
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.884.471.135	806.877.867
4. Phải trả người lao động	314		2.397.364.315	2.069.382.539
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	173.378.278	214.673.376
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	61.552.000	5.280.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	57.597.022.000	64.590.207.236
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		940.941.574	1.822.329.982
II. Nợ dài hạn	330		23.394.908.500	36.248.658.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	23.394.908.500	36.248.658.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.335.092.469	115.483.363.513
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	125.335.092.469	115.483.363.513
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.099.810.000	89.099.810.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.099.810.000	89.099.810.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.416.000	49.416.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.752.997.505	7.752.997.505
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.432.868.964	18.581.140.008
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.827.044.339	2.312.010.065
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.605.824.625	16.269.129.943
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		263.534.612.516	253.842.411.981

Phê duyệt



Lê Trường Kỳ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Người lập

Phạm Văn Phước
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	390.986.842.537	350.070.380.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	203.214.093	101.813.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		390.783.628.444	349.968.567.275
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	350.177.594.594	316.880.510.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.606.033.850	33.088.057.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	3.376.838.770	5.138.381.230
7. Chi phí tài chính	22	5.5	6.938.473.783	6.160.815.339
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.938.473.783	6.160.815.339
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	10.911.113.822	11.861.930.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.133.285.015	20.203.692.501
11. Thu nhập khác	31		-	10.298
12. Chi phí khác	32	5.7	714.066.789	622.436.575
13. Lợi nhuận khác	40		(714.066.789)	(622.426.277)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.419.218.226	19.581.266.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	4.813.393.601	3.312.136.281
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.605.824.625	16.269.129.943

Phê duyệt



Lê Trường Kỳ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Người lập

Phạm Văn Phước

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.419.218.226	19.581.266.224
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.867.594.611	15.235.865.428
Các khoản dự phòng	03		564.811.325	554.578.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.376.838.770)	(5.068.627.443)
Chi phí lãi vay	06		6.938.473.783	6.160.815.339
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những				
3. thay đổi vốn lưu động	08		45.413.259.175	36.463.897.548
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.858.329.942)	(25.526.055.672)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.993.615.318)	(2.648.270.873)
Tăng, giảm khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.048.138.281	9.312.613.734
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.039.048.646	(2.531.450.697)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(20.530.730)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.979.768.881)	(6.064.202.334)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.251.441.561)	(3.848.564.126)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.725.503.077)	(2.589.178.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.691.787.323	2.548.258.437
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.142.142.727)	(36.184.741.174)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.163.636.363
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.376.838.770	5.138.381.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.234.696.043	(29.882.723.581)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	187.943.643.290	253.112.630.734
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(207.790.578.526)	(222.530.516.998)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.909.981.000)	(4.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.756.916.236)	26.532.113.736
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		2.169.567.130	(802.351.408)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.046.164.529	9.848.515.937
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		11.215.731.659	9.046.164.529



Phê duyệt

[Handwritten signature]

Lê Trường Kỳ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Người lập

[Handwritten signature]

Phạm Văn Phước

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pacific Dinco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 321032000105 ngày 05 tháng 01 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp gồm 03 cổ đông sáng lập: Công ty Cổ phần Dinco, Pacific Inde Asset Management Ltd Hoa Kỳ và ông Đặng Tiến Đức. Sau khi đã quá thời hạn góp vốn mà Pacific Inde Asset Management Ltd Hoa Kỳ không nộp tiền góp vốn, các bên thống nhất chuyển phần vốn Pacific Inde Asset Management Ltd Hoa Kỳ đăng ký góp cho ông Lê Trường Kỳ. Ngày 18/10/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 0401333013 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 08 năm 2017.

Ngày 14 tháng 05 năm 2015, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/2015/GCNCNP-VSD ngày 14 tháng 05 năm 2015 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Ngày 02 tháng 07 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội theo quyết định số 407/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 07 năm 2015 của Tổng Giám đốc sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 89.099.810.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	Việt Nam	19.367.560.000	21,74	19.367.560.000	21,74
Các đối tượng khác		69.732.250.000	78,26	69.732.250.000	78,26
Cộng		89.099.810.000	100	89.099.810.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 230 (31 tháng 12 năm 2017 là: 184).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất bê tông thương phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công cảnh quan sân vườn;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa. Chi tiết: trồng và chăm sóc cây cảnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Bán buôn hóa chất, phụ gia xử lý chống thấm.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	H42/3 K97 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	76,27%	76,27%	76,27%
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai	KCN và Hậu cần cảng Tam Hiệp, Tỉnh Quảng Nam	98,04%	98,04%	98,04%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với [hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2018</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ bán bê tông thương phẩm, đá, bơm bê tông và vận chuyển: 10%;
- Các dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	897.222.553	3.908.640.931
Tiền gửi ngân hàng	10.318.509.106	5.137.523.598
Cộng	11.215.731.659	9.046.164.529

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu						
Cổ phiếu CTCP Xây dựng Coteccons	20.530.730	16.000.000	4.530.730	20.530.730	22.650.000	-
Cộng	20.530.730	16.000.000	4.530.730	20.530.730	22.650.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	11.247.780.000		-	11.247.780.000		-
Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	8.390.000.000		-	8.390.000.000		-
Cộng	19.637.780.000		-	19.637.780.000		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty CP Bê tông Dinco Hà Tĩnh	60.000.000		-	60.000.000		-
Cộng	60.000.000		-	60.000.000		-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 8	13.921.416.126	17.278.821.124
Phải thu từ khách hàng	127.284.782.750	104.790.378.415
Công ty TNHH Sichuan Huashi	7.670.489.750	13.002.765.750
Công ty CP xây dựng Cotecons	27.866.768.752	14.814.117.425
Công ty CP Đầu tư Xây dựng F.D.C	28.614.271.500	12.659.699.250
Các đối tượng khác	63.133.252.748	64.313.795.990
Cộng	141.206.198.876	122.069.199.539

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.016.307.619	-	1.036.176.721	-
Bảo hiểm xã hội	1.044.499	-	2.232.671	-
Ký cược, ký quỹ	100.700.000	-	100.700.000	-
Phải thu khác	122.789.382	-	40.109.008	-
Cộng	1.240.841.500	-	1.179.218.400	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.598.573.520	829.237.755	2.283.689.170	74.634.000
Cộng	3.598.573.520	829.237.755	2.283.689.170	74.634.000

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là cao vì công ty rất chú trọng vào việc thu hồi công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
CTCP Đầu tư XDVTVK Constrexim	439.274.772	-	Trên 3 năm	439.274.772	-	Trên 3 năm
CTCP Kiến trúc Cảnh quan Mạnh Cường An	358.566.898	-	Trên 3 năm	358.566.898	-	Trên 3 năm
Công ty APIC Sài Gòn	267.415.000	-	Trên 3 năm	267.415.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Đức Giang	-	-	Trên 3 năm	384.252.000	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp cầu 18 - Cienco 1	241.140.000	-	Trên 3 năm	241.140.000	72.342.000	Từ 2 - 3 năm
Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Hưng Thịnh T	701.750.000	491.225.000	Từ 2 - 3 năm	-	-	
Công ty TNHH MTV 185	118.628.000	59.314.000	Từ 1 - 2 năm	-	-	
XN Thi Công Cầu 6 - TCT XDCTGT 6 - TNHH MTV	369.760.000	169.256.000	Từ 1 - 2 năm	-	-	
Công ty TNHH Khánh Anh	130.700.000	75.694.000	Từ 1 - 2 năm	-	-	
Các khách hàng khác	971.338.850	33.748.755		593.040.500	2.292.000	
Cộng	3.598.573.520	829.237.755		2.283.689.170	74.634.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.380.436.074	-	6.315.391.665	-
Công cụ, dụng cụ	37.023.817	-	108.452.908	-
Cộng	9.417.459.891	-	6.423.844.573	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.441.440.361	1.933.299.725
Chi phí bảo hiểm máy móc thiết bị	531.565.420	604.834.049
Phí sử dụng đường bộ, kiểm định xe	349.573.606	159.562.836
Tiền thuê đất	43.750.000	-
Cộng	2.366.329.387	2.697.696.610
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	1.276.033.373	1.952.490.350
Phí sử dụng đường bộ	10.790.220	62.629.060
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	20.614.394	-
Cộng	1.307.437.987	2.015.119.410

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	654.946.064	39.121.572.638	38.605.931.410	-	139.304.836
Thuế TNDN	-	1.229.525.071	4.813.393.601	4.251.441.561	-	667.573.031
Thuế TNCN	30.391.293	-	579.238.435	508.634.409	100.995.319	-
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	30.391.293	1.884.471.135	44.518.204.674	43.370.007.380	100.995.319	806.877.867

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	8.661.920.297	43.377.624.951	122.887.584.751	637.526.594	175.564.656.593
Mua sắm trong năm	85.000.000	592.013.636	358.629.091	106.500.000	1.142.142.727
Tại ngày 31/12/2018	8.746.920.297	43.969.638.587	123.246.213.842	744.026.594	176.706.799.320
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	3.756.021.740	23.674.590.238	55.159.346.465	500.314.766	83.090.273.209
Khấu hao trong năm	899.885.313	3.033.290.248	11.891.008.345	43.410.705	15.867.594.611
Tại ngày 31/12/2018	4.655.907.053	26.707.880.486	67.050.354.810	543.725.471	98.957.867.820
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	4.905.898.557	19.703.034.713	67.728.238.286	137.211.828	92.474.383.384
Tại ngày 31/12/2018	4.091.013.244	17.261.758.101	56.195.859.032	200.301.123	77.748.931.500

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 70.375.339.289 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.245.757.831 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	5.149.085.850	5.149.085.850	4.048.063.900	4.048.063.900
Phải trả cho người bán Công ty TNHH Xi măng LUKS Việt Nam	46.061.192.795	46.061.192.795	27.996.121.131	27.996.121.131
Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Trâm Anh Tuấn	19.372.761.589	19.372.761.589	12.654.576.010	12.654.576.010
Các đối tượng khác	7.327.751.500	7.327.751.500	6.726.948.900	6.726.948.900
	19.360.679.706	19.360.679.706	8.614.596.221	8.614.596.221
Cộng	51.210.278.645	51.210.278.645	32.044.185.031	32.044.185.031

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Trích trước lãi vay	173.378.278	214.673.376
Cộng	173.378.278	214.673.376

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả khác	61.552.000	5.280.000
Cộng	61.552.000	5.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN ĐN	19.711.476.000	19.711.476.000	81.675.631.190	95.861.559.574	33.897.404.384	33.897.404.384
NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN ĐN	676.680.000	676.680.000	676.680.000	1.014.996.000	1.014.996.000	1.014.996.000
NH TMCP Ngoại thương VN - CN ĐN	28.864.866.000	28.864.866.000	90.952.508.220	82.121.449.072	20.033.806.852	20.033.806.852
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN ĐN	8.344.000.000	8.344.000.000	27.492.573.880	28.792.573.880	9.644.000.000	9.644.000.000
Cộng	57.597.022.000	57.597.022.000	200.797.393.290	207.790.578.526	64.590.207.236	64.590.207.236
Dài hạn						
NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN ĐN	-	-	-	676.680.000	676.680.000	676.680.000
NH TMCP Ngoại thương VN - CN ĐN	16.503.908.500	16.503.908.500	-	9.833.070.000	26.336.978.500	26.336.978.500
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN ĐN	6.891.000.000	6.891.000.000	-	2.344.000.000	9.235.000.000	9.235.000.000
Cộng	23.394.908.500	23.394.908.500	-	12.853.750.000	36.248.658.500	36.248.658.500
Tổng cộng	80.991.930.500	80.991.930.500	200.797.393.290	220.644.328.526	100.838.865.736	100.838.865.736

Vay dài hạn các Ngân hàng theo từng hợp đồng cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngân hàng	Hợp đồng		Hạn mức (VND)	Ngày giải ngân	Mục đích vay	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo	Lãi suất	Lãi suất quá hạn
	Số	Ngày							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN ĐN	01/2015/3270 430/HĐTD	12/02/2015	4.000.000.000	12/02/2015	Mua 3 xe trộn bê tông hiệu Hyundai	36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	10,2% và sẽ được điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất tín dụng ở từng thời điểm	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	174/2015/VCB-KHDN	10/06/2015	7.000.000.000	21/08/2015	Mua 5 xe trộn bê tông HINO mới 100%	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN công bố cộng (+) 4,3%/năm	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	24/2016/VCB-KHDN	21/03/2016	4.800.000.000	24/03/2016	Mua 3 xe trộn bê tông Hyundai mới 100%	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,35% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN công bố cộng (+) 4,5%/năm	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	68/2016/VCB-KHDN	24/05/2016	3.200.000.000	31/05/2016	Mua 2 xe trộn bê tông Hyundai HD270 mới 100%	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	8,9% cố định trong 24 tháng, kể từ tháng thứ 25 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	79/2016/VCB-KHDN	31/05/2016	1.000.000.000	31/05/2016	Mua 1 xe xúc lật bánh lốp KOMATSU đã qua sử dụng	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	TS hình thành từ vốn vay	8,9% cố định trong 24 tháng, kể từ tháng thứ 25 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	93/2016/VCB-KHDN	22/06/2016	4.600.000.000	22/06/2016	Mua 3 xe trộn bê tông Hyundai mới 100%	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,4% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	106/2016/VCB-KHDN	28/07/2016	5.300.000.000	02/08/2016	Mua xe ô tô bơm bê tông Putzmeister	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	8,9% cố định trong 24 tháng, kể từ tháng thứ 25 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	109/2016/VCB-KHDN	24/08/2016	456.750.000	24/08/2016	Mua 01 xe tải Hyundai HD99	36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	8,9% cố định trong 24 tháng, kể từ tháng thứ 25 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	145/2016/VCB-KHDN	03/11/2016	3.500.000.000	28/11/2016	Mua bơm bê tông Putzmeister	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,4% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	132/2016/VCB-KHDN	10/10/2016	3.500.000.000	18/10/2016	Mua xe Lexus Lx 570	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,4% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	30/2017/VCB-KHDN	13/04/2017	2.096.843.000	13/04/2017	Mua máy xúc lật bánh lốp hiệu Doosan (mới 100%)	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,4% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	47/2017/VCB-KHDN	25/05/2017	4.920.000.000	25/05/2017	Mua 3 xe chuyển trộn bê tông Hyundai	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,5% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	97/2017/VCB-KHDN	28/09/2017	4.400.000.000	29/09/2017	Bù đắp vốn tự có đã sử dụng để thanh toán tiền mua xe	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Xe bơm bê tông Isuzu, HT bơm Putzmeister	9,5% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	22/2017/VCB- KHDN	14/03/2017	2268000000	16/03/2017	Mua xe tải Hyundai HD 320- 380Ps gắn cầu Kanglim 10 tấn KS 2605 mới 100%	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,5% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	20/2017/VCB- KHDN	03/03/2017	1000000000	20/03/2017	Mua 1 ô tô Toyota Fortuner (mới 100%)	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,5% cố định trong 36 tháng, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất huy động VND tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN ĐN công bố cộng (+) Margin (Đối với xếp hạng tín dụng nội bộ loại A+ trở lên là 3%; đối với loại A là 3,6%; đối với loại B trở xuống là 4,5%)	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	DNG1656/HĐ TD	13/08/2015	4060000000	14/08/2015	Mua bơm hiệu HINO đã qua sử dụng	48 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	lãi suất của Hợp đồng tại thời điểm nhận nợ là 9,53% và sẽ được điều chỉnh 1 tháng/lần theo lãi suất tín dụng ở từng thời điểm cộng biên độ 3,13%/năm	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	01/2017- HĐCVDADT/N HCT480- PACIFIC DINCO	17/08/2017	3070000000	17/08/2017	Mua 1 Trạm trộn bê tông, 3 xi lô chứa xi măng 100 tấn và 1 máy xúc lật bánh lốp	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,3% và được cố định trong 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất được áp dụng theo lãi suất quy định hiện hành của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ	150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	02/2017/HDC VDADT	17/10/2017	8662000000	31/10/2017	Mua 1 xe bơm bê tông, 2 xe xúc lật và trạm trộn bê tông không móng	60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Tài sản hình thành từ vốn vay	9,3% sẽ được cố định trong 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, kể từ tháng thứ 37 tính từ ngày rút vốn lần đầu lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn theo quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Công thương trong từng thời kỳ	150% lãi suất nợ trong hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	81.000.000.000	49.416.000	4.933.261.776	20.665.238.668	106.647.916.444
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.269.129.943	16.269.129.943
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	(3.383.682.874)	(3.383.682.874)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.819.735.729	(2.819.735.729)	-
Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	8.099.810.000	-	-	(8.099.810.000)	-
Chia cổ tức năm trước bằng tiền	-	-	-	(4.050.000.000)	(4.050.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	89.099.810.000	49.416.000	7.752.997.505	18.581.140.008	115.483.363.513
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.605.824.625	20.605.824.625
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng BĐH (*)	-	-	-	(1.844.114.669)	(1.844.114.669)
Chia cổ tức năm trước bằng tiền (*)	-	-	-	(8.909.981.000)	(8.909.981.000)
Tại ngày 31/12/2018	89.099.810.000	49.416.000	7.752.997.505	28.432.868.964	125.335.092.469

(*) Trong năm 2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2017 theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	19.367.560.000	19.367.560.000
Vốn góp của các cổ đông khác	69.732.250.000	69.732.250.000
Cộng	89.099.810.000	89.099.810.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	89.099.810.000	81.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	8.099.810.000
Vốn góp cuối năm	89.099.810.000	89.099.810.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.909.981	8.909.981
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.909.981	8.909.981
Bao gồm: <i>CP phổ thông</i>	8.909.981	8.909.981
CP ưu đãi (được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.909.981	8.909.981
Bao gồm: <i>CP phổ thông</i>	8.909.981	8.909.981
CP ưu đãi (được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông	8.909.981.000	12.149.810.000

Theo thông báo số 666/2018/TB-HĐQT ngày 11/12/2018 của Hội đồng quản trị về ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2018, tỷ lệ chia cổ tức năm 2018 là 10%, ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 02/01/2019 và ngày thanh toán cổ tức là ngày 11/01/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	7.752.997.505
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	7.752.997.505

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty CP Constrexim-Meco	61.028.000	61.028.000
Công ty TNHH Mỹ thuật ƯD TVTK & XD Chiêm Việt	65.480.000	65.480.000
Công ty CP Xây dựng Lighthouse	238.645.500	238.645.500
Chi nhánh Công ty CP Sông Hồng 36.8	58.800.000	58.800.000
Khách hàng khác	122.743.350	122.743.350
Cộng	546.696.850	546.696.850

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán thành phẩm	380.157.981.214	324.984.856.600
Doanh thu bán hàng hóa	8.979.187.692	22.249.545.219
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.849.673.631	2.835.979.092
	390.986.842.537	350.070.380.911
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - xem thêm mục 8	65.729.000.852	56.557.808.391

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm giá hàng bán	203.214.093	101.813.636
Cộng	203.214.093	101.813.636

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	339.348.733.271	291.754.908.891
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.979.187.692	22.289.622.136
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.849.673.631	2.835.979.092
Cộng	350.177.594.594	316.880.510.119

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	12.491.170	16.907.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.364.347.600	5.121.474.000
Cộng	3.376.838.770	5.138.381.230

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	6.938.473.783	6.160.815.339
Cộng	6.938.473.783	6.160.815.339

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.032.073.364	4.794.929.772
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.791.157.626	1.405.005.585
Chi phí khấu hao TSCĐ	942.249.789	911.364.576
Thuế, phí và lệ phí	27.578.207	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.403.562.641	2.830.115.280
Chi phí bằng tiền khác	1.154.211.600	1.365.937.333
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.212.599.095	554.578.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(652.318.500)	-
Cộng	10.911.113.822	11.861.930.546

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	69.753.787
Chi phí nộp phạt hành chính, thuế	38.866.104	226.299.548
Chi phí khác	675.200.685	326.383.240
Cộng	714.066.789	622.436.575

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	286.846.831.880	231.862.499.337
Chi phí nhân công	26.783.518.325	23.446.523.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.867.594.611	15.235.865.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.079.677.848	14.951.543.334
Chi phí khác bằng tiền	12.355.169.692	17.565.829.843
Cộng	348.932.792.356	303.062.261.437

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	25.419.218.226	19.581.266.224
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.664.415.880	1.880.010.784
- Chi phí không được trừ	1.067.816.785	906.432.784
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	384.000.000	419.000.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi thiếu hồ sơ	1.212.599.095	554.578.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	4.016.666.100	5.121.474.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.364.347.600	5.121.474.000
- Hoàn nhập dự phòng	652.318.500	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	24.066.968.006	16.339.803.008
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.813.393.601	3.312.136.281
Trong đó		
- Chi phí thuế TNDN phát sinh năm này	4.813.393.601	3.267.960.602
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	44.175.679

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	187.943.643.290	253.112.630.734
Cộng	<u>187.943.643.290</u>	<u>253.112.630.734</u>

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	207.790.578.526	222.530.516.998
Cộng	<u>207.790.578.526</u>	<u>222.530.516.998</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bán bê tông thương phẩm
- Kinh doanh thương mại
- Cung cấp dịch vụ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	<u>Bê tông thương phẩm</u>		<u>Kinh doanh thương mại</u>		<u>Cung cấp dịch vụ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	379.032.678.488	324.984.856.600	8.979.187.692	22.249.545.219	2.974.976.357	2.835.979.092	390.986.842.537	350.070.380.911
Cộng	379.032.678.488	324.984.856.600	8.979.187.692	22.249.545.219	2.974.976.357	2.835.979.092	390.986.842.537	350.070.380.911
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả của bộ phận	40.606.033.850	32.465.630.879	-	-	-	-	40.606.033.850	32.465.630.879
Chi phí không phân bổ							10.911.113.822	11.861.930.546
Thu nhập tài chính							3.376.838.770	5.138.381.230
Chi phí tài chính							6.938.473.783	6.160.815.339
Lợi nhuận trước thuế							25.419.218.226	19.581.266.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp							4.813.393.601	3.312.136.281
Lợi nhuận sau thuế							20.605.824.625	16.269.129.943

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Bê tông thương phẩm		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	227.655.569.960	218.950.794.626	-	-	-	-	227.655.569.960	218.950.794.626
Tài sản không phân bổ							35.879.042.556	34.891.617.355
Tổng tài sản							263.534.612.516	253.842.411.981

Tổng tài sản

	Bê tông thương phẩm		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	132.741.812.745	133.440.504.704	-	-	-	-	132.741.812.745	133.440.504.704
Nợ phải trả không phân bổ							5.457.707.302	4.918.543.764
Tổng nợ phải trả							138.199.520.047	138.359.048.468

Tổng nợ phải trả

	Bê tông thương phẩm		Kinh doanh thương mại		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản	1.142.142.727	37.092.147.330	-	-	-	-	1.142.142.727	37.092.147.330
Chi phí khấu hao	15.867.594.611	15.235.865.428	-	-	-	-	15.867.594.611	15.235.865.428

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco | Công ty đầu tư |
| 2. Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai | Công ty con |
| 3. Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước | Công ty con |
| 4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	13.098.911.202	16.603.502.202
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai	822.504.924	675.318.922
Cộng – Xem thêm mục 4.3	<u><u>13.921.416.126</u></u>	<u><u>17.278.821.124</u></u>
	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải trả		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	5.149.085.850	4.048.063.900
Cộng – Xem thêm mục 4.10	<u><u>5.149.085.850</u></u>	<u><u>4.048.063.900</u></u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	50.118.267.259	30.824.493.629
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai	15.610.733.593	25.733.314.762
Cộng – Xem thêm mục 4.16	<u><u>65.729.000.852</u></u>	<u><u>56.557.808.391</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai	4.272.303.364	4.738.913.089
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	9.373.656.319	5.138.162.546
Cộng	14.005.959.683	10.237.075.635

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	408.000.000	443.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.169.039.536	1.383.397.691

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và chi phí hoạt động	168.000.000	168.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

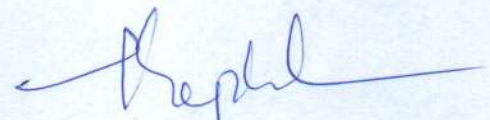
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Lê Trường Kỳ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 TP. Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Người lập



Phạm Văn Phước
Kê toán trưởng